

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Diễm Bình, sinh năm 1978; thường trú: Khóm 7, thị trấn S, huyện Trần V, tỉnh C; tạm trú: Tổ 11 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn B1, sinh năm 1979; thường trú: Xã H, huyện V, tỉnh B; tạm trú: Tổ 11 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Diễm B2 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Diễm B2 và anh Lương Văn B1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000. Năm 2002, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Tr, tỉnh C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyển số 02/2002 ngày 10/12/2002. Chị Trương Diễm B2 xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh Lương Văn B1 sống không có trách nhiệm với gia đình, tham gia đánh bạc, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều phụ thuộc

vào thu nhập của vợ. Chị Trương Diễm B2 đã tha thứ nhiều lần nhưng anh Lương Văn B1 không thay đổi. Nay chị Trương Diễm B2 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Lương Văn B1.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lương Thái H, sinh ngày 29/8/2001. Hiện nay cháu H đã đủ tuổi trưởng thành nên chị Trương Diễm B2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trương Diễm B2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lương Văn B1 đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lương Văn B1 hiện đang sinh sống tại tổ 11, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 22/7/2020 và ngày 07/8/2020 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Trương Diễm B2 và anh Lương Văn B1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Tr, tỉnh C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyền số 02/2002 ngày 10/12/2002 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị Trương Diễm B2 xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh Lương Văn B1 sống không có trách nhiệm với gia đình, tham gia đánh bạc, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều phụ thuộc vào thu nhập của vợ. Chị Trương Diễm

B2 đã tha thứ nhiều lần nhưng anh Lương Văn B1 không thay đổi nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lương Văn B1.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án Trương Diễm B2 và anh Lương Văn B1 không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở, phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

[2.4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị Trương Diễm B2 xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Anh Lương Văn B1 đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Trong biên bản làm việc với Tòa án cháu Lương Thái H cung cấp: *“Con thấy ba đối xử không tốt với mẹ, ba không dành thời gian chăm sóc mẹ. Cuộc sống hôn nhân của ba mẹ đã không hạnh phúc trong một thời gian dài. Hiện nay mẹ đã chuyển ra ngoài sống riêng...”*. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Trương Diễm B2 và anh Lương Văn B1 là có thật, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Trương Diễm B2 yêu cầu được ly hôn với anh Lương Văn B1 là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lương Thái Hậu, sinh ngày 29/8/2001. Hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên chị Trương Diễm B2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trương Diễm B2 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Diễm B2 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Diễm B2 đối với anh Lương Văn B1 về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Diễm B2 được ly hôn với anh Lương Văn B1. (Giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyền số 02/2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Tr, tỉnh C cấp ngày 10/12/2002).

- Về con chung: Cháu Lương Thái H, sinh ngày 29/8/2001 đã đủ tuổi trưởng thành. Chị Trương Diễm B2 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trương Diễm B2 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Diễm B2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040061, ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND thị trấn S, huyện Tr, tỉnh C;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân